TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2024/HS-ST
Ngày: 25-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tấn Dũng.

Bà Ngô Thị Lệ Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 61/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Võ Quyền A, sinh ngày 05/01/1995; Nơi sinh: Đồng Tháp; Nơi cư trú: Khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Thợ sửa chữa điện; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T và bà Võ Thị D; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam: không; có mặt.

- *Bị hại*:

1. Nguyễn Văn B, sinh ngày 11/01/1981; nơi cư trú: Khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

2. Nguyễn Văn L, sinh ngày 01/01/1976; nơi cư trú: Khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Nguyễn Hữu T1, Huỳnh Thái B1, Võ Quang L1 (G); đều vắng mặt, Hồ Văn T2 (M); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết từ trước, ngày 29 tháng 8 năm 2024, Nguyễn Văn B đến gặp và nhờ Võ Quyền A đến thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, rước bạn tên T3 (không rõ họ, chữ lót), Quyền A đồng ý. B giao xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Vision, màu đỏ, biển số 61H1-236.35 (của anh B) cho Quyền A. Trên đường đi, Quyền A nảy sinh ý định đem xe mô tô cầm, lấy tiền đánh bạc. Nên Quyền A không rước T3 mà điều khiển xe mô tô đến nhà của Nguyễn Hữu T1 (bạn của Quyền A) thuộc ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp hỏi mượn 5.000.000 đồng và để lại xe mô tô để làm tin, anh T1 đồng ý. Nhận được tiền, Quyền A qua Vương quốc Campuchia tham gia đánh bạc. Sau đó, Quyền A nói với anh B đã cầm xe, đánh bạc thua hết, hứa với anh B ngày hôm sau đến ngân hàng làm thủ tục vay tiền (thẻ tín dụng) để lấy xe trả cho anh B. Đến ngày 30 tháng 8 năm 2024 Quyền A rủ anh B đến ngân hàng để vay tiền, anh B không đi, nhưng cho Quyền A mượn xe mô nhãn hiệu Honda, loại Blade, màu: trắng, đỏ, đen biển số 62L1-660.31 (anh B mượn của anh Nguyễn Văn L). Khi đến ngân hàng, Quyền A không vay được tiền, nên Quyền A ra về, trên đường về Quyền A nảy sinh ý định lấy xe mô tô biển số 62L1-660.31 đi cầm, để lấy tiền đánh bạc. Quyền A điều khiển xe mô tô đến tiệm cầm đồ B ở khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang do anh Huỳnh Thái B1 làm chủ, cầm với giá 5.000.000 đồng, Quyền A sang Campuchia tham gia đánh bạc. Quyền A điện thoại cho anh B1 nói về việc cầm xe đánh bạc thua hết, hứa vài ngày nữa trả lại 02 xe mô tô. Đến ngày 09 tháng 9 năm 2024, Quyền A không trả 02 xe mô tô, nên anh B1 đến Công an thị trấn T, trình báo sự việc. Xét thấy, có dấu hiệu tội phạm nên Công an thị trấn Thường Thới T4 chuyển toàn bộ hồ sơ cho Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện H để điều tra theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ: Xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Vision, biển số 61H1-236.35 và giấy chứng nhận đăng ký; Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Blade, biển số 62L2-660.31 và giấy chứng nhận đăng ký. Cơ quan điều tra đã trả lại 02 xe cho các bị hại Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn L.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 35/KLHĐĐGTS-TTHS, ngày 20/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H, kết luận: Xe mô tô biển số 61H1-236.35, giá 7.000.000 đồng; Xe mô tô biển số 62L2-660.31, giá 8.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự, đã thỏa thuận, không có yêu cầu giải quyết.

Tại Cáo trạng số 64/CT-VKSHN ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt

là BLHS), xử phạt bị cáo Quyền A từ 06 đến 09 tháng tù về "Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Về dân sự: Đã thỏa thuận xong nên không đề cập đến. Về vật chứng: Đã giải quyết xong nên không đề cập đến.

Bị cáo Quyền A thống nhất đề nghị của Kiểm sát viên không có tranh luận, chỉ nói lời nói sau cùng: Lần sau bị cáo không cố ý, thừa nhận sai chịu trách nhiệm trước pháp luật. Bị cáo muốn được cải tạo không giam giữ từ 06 tháng đến 03 năm vì gia đình bị cáo chỉ có 2 anh em, muốn làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Quyền A khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đã chứng minh được:

[3] Bị cáo Võ Quyền A là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng, tín nhiệm của bị hại B giao tài sản là 02 xe mô tô (01 xe của L2) tổng trị giá 15.000.000 đồng, cho bị cáo mượn. Bị cáo đã dùng tài sản đó đem cầm để sử dụng vào mục đích bất hợp pháp là đánh bạc, không có khả năng trả lại tài sản cho bị hại. Như vậy, bị cáo đã nhận được tài sản của bị hại thông qua hợp đồng mượn tài sản theo quy định tại Điều 494 Bộ luật Dân sự. Sau khi nhận được tài sản, bị cáo mới nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Do đó, đã đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Quyền A phạm "Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

[4] BLHS quy định: "*Điều 175. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản."

[5] Như vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo Quyền A là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

[7] Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, trực tiếp xâm phạm, gây thiệt hại về tài sản của các bị hại được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, làm cho nhân dân hoang mang lo lắng; là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự bất chấp, xem thường pháp luật.

[8] Về nhân thân: Bị cáo chưa từng có tiền án, tiền sự.

[9] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Phạm tội 2 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS.

[10] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Khắc phục hậu quả; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các tình tiết này được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS; Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên xem xét là tình tiết giảm nhẹ khác cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS. Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa. Đối với tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là không phù hợp, vì bị cáo đã phạm tội 2 lần nên không áp dụng.

[11] Từ hành vi và hậu quả nêu trên, phải xử phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, cần phải có mức hình phạt tương xứng, cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục cho bị cáo thấy được lỗi lầm của mình và phấn đấu trở thành người có ý thức chấp hành pháp luật tôn trọng tài sản của người khác. Đồng thời cũng nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho những ai thiếu ý thức chấp hành pháp luật tương tự.

[12] Bị cáo xem được mức hình phạt cải tạo không giam giữ là không phù hợp với hành vi của bị cáo, không đủ sức răn đe, giáo dục, đấu tranh phòng, chống tội phạm, nên không chấp nhận.

[13] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên chấp nhận.

[14] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thu nhập không ổn định, không có điều kiện kinh tế nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[15] Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu nên không xem xét.

[16] Về vật chứng: Đã xử lý xong, đúng quy định.

[17] Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 175, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự,

1.1. Tuyên bố: Bị cáo Võ Quyền A phạm "Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

1.2. Xử phạt bị cáo Võ Quyền A 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

2. Về án phí, căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí, lệ phí tòa án kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Võ Quyền A phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25 tháng 12 năm 2024). Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo, bị hại (nếu có);
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương nơi giám sát, giáo dục người được hưởng án treo (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Nông Phú